TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-PT.
Ngày: 16/10/2018
V/ v ly hôn; tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Thuận

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Năm

- Ông Nguyễn Văn Quế

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:*** Bà Nguyễn Tuyết Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2018/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2018/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 86/2018/QĐXX-PT ngày 02 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trịnh Văn Ng - sinh năm 1983 (có mặt)

Cư trú tại: Xóm NV, xã BS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên

2. Bị đơn: Chị Lý Thị H - sinh năm 1987 (có mặt)

HKTT: Xóm NV, xã BS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện nay: Xóm PS, xã BS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

3. Người kháng cáo: Anh Trịnh Văn Ng là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn anh Trịnh Văn Ng trình bày: Anh và chị Lý Thị H tự nguyện kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BS, thị xã SC (nay là thành phố SC). Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Khoảng tháng 4 năm 2017 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh Ng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trịnh Minh Q - sinh ngày 16/8/2008 và Trịnh Thu HO - sinh ngày 03/12/2010. Khi chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống mang theo cháu nhỏ là cháu HO, anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lớn, nhưng được 3 tháng thì cháu HO tự bỏ về nhà ở cùng anh. Đến thời điểm hiện tại anh đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Khi cả hai con về ở với anh thì chị H không có sự quan tâm, thăm hỏi đến con. Anh có nhà làm trên đất bố mẹ cho và có công việc, thu nhập ổn định. Anh làm công nhân ở Công ty TNG và chị H làm công nhân tại Công ty Samsung, mức thu nhập của cả hai đều khoảng từ 8.000.000đ đến 11.000.000đ/ tháng. Từ khi ly thân đến nay anh là người đóng học phí và các khoản khác ở trường cho cháu Q còn chị H đóng góp học phí và tiền sách vở cho cháu HO. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Lý Thị H trình bày: Chị xác định về thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân, về công việc, mức thu nhập và việc đóng góp các khoản cho hai con đúng như anh Ng đã khai. Về hôn nhân, chị nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, bất đồng quan điểm sống trong việc quản lý kinh tế nên dẫn đến thường xuyên xích mích nhau.

Về con chung: Khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở có mang theo cháu HO và khoảng 6 tháng sau thì cháu HO về ở với anh Ng. Theo chị cháu HO còn nhỏ không thể tự đi từ trường học về nhà anh Ng được và việc anh Ng khai từ khi vợ chồng sống ly thân, chị không có tình cảm, không quan tâm thăm nom hai con là không đúng vì khi chị đến gia đình anh Ng thì bị cấm đoán nên chị chỉ có thể thăm con tại trường học. Hiện nay chị đang ở cùng bố mẹ đẻ, có công việc và thu nhập ổn định đảm bảo để nuôi cả hai con. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu anh Ng phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H đã có đơn yêu cầu chia, Tòa án có Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 33/TB-TA ngày 22/3/2018, đã giao cho chị H cùng ngày, tuy nhiên hết thời hạn 7 ngày chị H không nộp tiền tạm ứng án phí theo thông báo. Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa chị H đều có ý kiến để giải quyết chia tài sản chung trong một vụ án khác, sau khi vợ chồng đã ly hôn. Về nợ chung chị xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

- Với nội dung trên, tại bản án số 14/2018/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố SC đã xét xử và quyết định:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Văn Ng và chị Lý Thị H.

2. Về con chung: Giao cho anh Trịnh Văn Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trịnh Minh Q - sinh ngày 16/8/2008; chị Lý Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trịnh Thu HO- sinh ngày 03/12/2010. Tạm hoãn đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Ng, chị H; anh Ng, chị H được quyền thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Cả anh Ng và chị H đều không yêu cầu chia tài sản chung và xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết: Không xem xét.

4. Về án phí: anh Trịnh Văn Ng phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010852 ngày 25/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố SC.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/8/2018 anh Ng có đơn kháng cáo xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ/tháng. Anh Ng cho rằng hiện nay cả hai con đang ở với anh và hai con có nguyện vọng ở với anh vì đã lâu không được mẹ quan tâm, chăm sóc. Chị H là một người mẹ không có phẩm chất đạo đức tốt vì khi Tòa án xử cho mỗi người nuôi một con nhưng chị H không có ý định mang con về nuôi mà chỉ đòi nuôi con trên giấy tờ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Ng vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà , căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Ng làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh Ng Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh Ng, chị H có 02 con chung là Trịnh Minh Q - sinh ngày 16/8/2008 và Trịnh Thu HO - sinh ngày 03/12/2010. Khi ly hôn cả anh Ng và chị H đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung. Anh Ng yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, chị H không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Ng cho rằng hiện nay cả hai con đang ở với anh, 02 con đều có nguyện vọng ở với bố và chị H là một người mẹ không có phẩm chất đạo đức tốt vì chị không quan tâm, chăm sóc đến con mà chỉ đòi nuôi con trên giấy tờ nhưng anh không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Chị H khai từ khi vợ chồng sống ly thân, do mâu thuẫn giữa hai gia đình nên mỗi lần chị đến thăm con đều bị cấm đoán, vì vậy chị thường thăm con tại trường học. Cả hai con chung đều trên bảy tuổi, có nguyện vọng ở với bố. Tuy nhiên cần xem xét một cách khách quan, toàn diện về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo

dục con chung của anh Ng và chị H để con chung phát triển toàn diện. Anh Ng và chị H đều có điều kiện như nhau về chỗ ở, công việc và mức thu nhập ổn định. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho mỗi người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục một con chung là phù hợp pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Ng.

Về án phí: Anh Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKS phát biểu sự tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Ng , giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, điều 308, điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của anh Trịnh Văn Ng, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2018/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Văn Ng và chị Lý Thị H.

2. Về con chung: Giao cho anh Trịnh Văn Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trịnh Minh Q - sinh ngày 16/8/2008; chị Lý Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trịnh Thu HO - sinh ngày 03/12/2010. Tạm hoãn đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Ng, chị H; anh Ng, chị H được quyền thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Cả anh Ng và chị H đều không yêu cầu chia tài sản chung và xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết: Không xem xét.

4. Về án phí: anh Trịnh Văn Ng phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm xác nhận anh Ng đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010852 ngày 25/01/2018 và phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm, xác nhận anh Ng đã nộp đủ theo biên lai thu số 0010989 ngày 07/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố SC.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP SC;
- THADS TP SC;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Thuận